TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHAN THIẾT** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 11-5-2022
Về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Quách Văn Hoàng
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Đô
2. Bà Nguyễn Thị Viết Sáu

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Bạch Hoàng Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Hường - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 281/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2021 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 04 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 62/2022/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Chu Thị Thanh D, sinh năm 1985

2. Bị đơn: Ông Lê Văn H, sinh năm 1986

Cùng nơi cư trú: Khu phố A, phường P, Tp P, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt bà D, vắng mặt ông H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Chu Thị Thanh D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Chu Thị Thanh D và ông Lê Văn H tự nguyện tìm hiểu, chung sống và có đăng ký kết hôn vào năm 2013 tại Uỷ ban nhân dân phường Phú Tài, Tp Phan Thiết.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Từ năm 2018 mới phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hòa hợp, quan điểm sống không đồng nhất nên thường xuyên cãi vã. Mặc dù ông bà có ngồi lại để nói chuyện và hàn gắn

tình cảm nhưng vẫn không cải thiện được, vợ chồng vẫn không có tiếng nói chung, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên từ tháng 7 năm 2021 ông bà không còn sống chung, cũng không quan tâm gì đến nhau, mạnh ai nấy sống cho đến nay.

Nay bà D xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Bà D khai giữa bà và ông H có 01 con chung tên Lê Phước Thịnh, sinh ngày 29/10/2014. Hiện nay con đang ở với ông H tại Khu phố A, phường P, Tp P, tỉnh Bình Thuận và đang học tại Trường tiểu học Phú Tài. Tại đơn khởi kiện và bản tự khai bà D yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Nhưng nay do con đang sống với ông H và để ổn định cho việc học tập của con nên bà D đồng ý giao con cho ông H nuôi. Bà D đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng cho đến khi con thành niên.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với ông Lê Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần cũng như tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng như Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông H cũng không đến Tòa án và cũng không trình bày ý kiến của mình.

Vụ án không hòa giải được do ông H không đến tòa.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết phát biểu ý kiến về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Bị đơn chấp hành chưa đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử, xử theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể: Về quan hệ hôn nhân: Bà Chu Thị Thanh D được ly hôn với ông Lê Văn H; Về con chung: Giao cháu Lê Phước Thịnh, sinh ngày 29/10/2014 cho ông H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Bà D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng cho đến khi con thành niên; Về tài chung và nợ chung: Bà D không yêu cầu giải quyết nên không xét. Bà D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:*** Bà Chu Thị Thanh D yêu cầu ly hôn ông Lê Văn H và yêu cầu giải quyết việc nuôi con. Bị đơn ông Lê Văn H cư trú tại Khu phố A, phường P, Tp P, tỉnh Bình Thuận. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp là "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân

dân thành phố Phan Thiết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Lê Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử xử vắng mặt ông H.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] ***Về quan hệ hôn nhân:*** Bà Chu Thị Thanh D và ông Lê Văn H có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Phú Tài, Tp Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 157 ngày 16/12/2013 nên quan hệ hôn nhân của ông H và bà D là hợp pháp.

Tại phiên tòa, bà D xác định từ năm 2018 mới phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hòa hợp, quan điểm sống không đồng nhất nên thường xuyên cãi vã. Mặc dù ông bà có ngồi lại để nói chuyện và hàn gắn tình cảm nhưng vẫn không cải thiện được, vợ chồng vẫn không có tiếng nói chung, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên từ tháng 7 năm 2019 ông bà không còn sống chung, cũng không quan tâm gì đến nhau, mạnh ai nấy sống cho đến nay. Nay bà D xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc; cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình"* và *"Vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác"*.

Tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được*".

Từ quy định được viện dẫn nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy bà D và ông H không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc, cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình; Dẫn đến vợ chồng không còn chung sống với nhau nên đã vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng được quy định Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa hôm nay ông H vẫn không có mặt chứng tỏ ông đã khước từ quyền tham gia tố tụng để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho mình, nên việc xét xử vắng mặt ông H là phù hợp theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và đảm bảo quyền lợi chính đáng của đương sự còn lại trong vụ án.

Từ những nhận định trên, cho thấy yêu cầu ly hôn của bà D là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật và đã thỏa mãn điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] ***Về con chung***: Bà D khai giữa bà và ông H có 01 con chung tên Lê Phước Thịnh, sinh ngày 29/10/2014. Tại phiên tòa, bà D đồng ý giao con cho ông H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng do cháu Thịnh đang sống với ông H tại Khu phố A, phường P, Tp P, tỉnh Bình Thuận và đang học tại Trường tiểu học Phú Tài để nhằm ổn định cho việc sinh sống, học tập của con. Hội đồng xét xử xét thấy: Cháu Thịnh đang sinh sống với ông H và đang học tại Trường tiểu học Phú Tài, bà D cũng đồng ý giao con cho ông H nuôi sau khi ly hôn; đồng thời tại biên bản lấy lời khai cháu Thịnh cũng muốn được ở với ông H. Vì vậy Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu Thịnh cho ông H chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống, cũng như học tập cho cháu Thịnh.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà D tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng cho đến khi con thành niên. Xét đây là sự tự nguyện của bà D và phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đại đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3.4] ***Về tài sản chung và nợ chung***: Bà D không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] ***Về án phí:*** Bà Chu Thị Thanh D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp Phan Thiết tại phiên tòa về quan điểm giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 19, 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Chu Thị Thanh D.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Chu Thị Thanh D được ly hôn với ông Lê Văn H.

Về con chung: Giao cháu Lê Phước Thịnh, sinh ngày 29/10/2014 cho ông Lê Văn H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Bà D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng cho đến khi con thành niên.

Bà Chu Thị Thanh D và ông Lê Văn H có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn. Bà D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành mà bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số

tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Chu Thị Thanh D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Ngày 09 tháng 6 năm 2021 bà D đã nộp 300.000đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0004059 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết nay chuyển thành án phí, bà D còn phải nộp thêm 300.000đồng tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà Chu Thị Thanh D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Ông Lê Văn H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND Tp Phan Thiết;
- Chi cục THADS Tp Phan Thiết;
- Cơ quan đã thực hiện việc ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐÃ KÝ

Quách Văn Hoàng